

Số: 69/NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 25 tháng 7 năm 2021

## NGHỊ QUYẾT

### Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử của Trường Đại học Giáo dục-Đại học Quốc gia Hà Nội

#### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử của Trường Đại học Giáo dục-Đại học Quốc gia Hà Nội, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 25/7/2021 của Hội đồng,

#### QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử của Trường Đại học Giáo dục-Đại học Quốc gia Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức, đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 44 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 88%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu”. (chi tiết trong Phụ lục 1).

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

2. Kiến nghị Trường Đại học Giáo dục-Đại học Quốc gia Hà Nội thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng công nhận và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử của Trường Đại học Giáo dục-Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định hiện hành.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD**

**CHỦ TỊCH**



**Trần Đình Quang**



## PHỤ LỤC 1

**Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử của Trường Đại học Giáo dục-Đại học Quốc gia Hà Nội**  
(Kèm theo Nghị quyết số 69/NQ-HĐKĐCLV ngày 25 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
<b>Tiêu chuẩn 1</b>		3,67	2	66,67	<b>Tiêu chuẩn 7</b>		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4	Tiêu chí 7.3	4						
		Tiêu chí 7.4	4						
<b>Tiêu chuẩn 2</b>		3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.1	4				<b>Tiêu chuẩn 8</b>		4,60	5	100
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chí 8.1	5			
Tiêu chí 2.3	4	Tiêu chí 8.2	5						
		Tiêu chí 8.3	5						
		Tiêu chí 8.4	4						
<b>Tiêu chuẩn 3</b>		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chí 3.1	4				<b>Tiêu chuẩn 9</b>		3,80	4	80,00
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 3.3	4	Tiêu chí 9.2	4						
		Tiêu chí 9.3	4						
		Tiêu chí 9.4	4						
<b>Tiêu chuẩn 4</b>		4,00	3	100	Tiêu chí 9.5	3			
Tiêu chí 4.1	4				<b>Tiêu chuẩn 10</b>		3,83	5	83,33
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 10.2	4						
		Tiêu chí 10.3	4						
		Tiêu chí 10.4	4						
		Tiêu chí 10.5	4						
<b>Tiêu chuẩn 5</b>		4,00	4	80,00	Tiêu chí 10.6	3			
Tiêu chí 5.1	4				<b>Tiêu chuẩn 11</b>		4,00	5	100
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 5.5	5	Tiêu chí 11.4	4						
<b>Tiêu chuẩn 6</b>		4,14	7	100	Tiêu chí 11.5	4			
Tiêu chí 6.1	4								
Tiêu chí 6.2	5								
Tiêu chí 6.3	4								
Tiêu chí 6.4	4								
Tiêu chí 6.5	4								
Tiêu chí 6.6	4								
Tiêu chí 6.7	4								
<b>Mức trung bình</b>					<b>Số tiêu chí đạt</b>			<b>Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)</b>	
<b>3,98</b>					<b>44</b>			<b>88</b>	

## PHỤ LỤC 2

**Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục  
đối với Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử  
của Trường Đại học Giáo dục-Đại học Quốc gia Hà Nội**

(Kèm theo Nghị quyết số 69/NQ-HĐKĐCLV ngày 25 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Sư phạm Lịch sử (sau đây gọi tắt là CTĐT) của Trường Đại học Giáo dục-Đại học Quốc gia Hà Nội, giai đoạn 2016-2020, đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tâm nhìn của Nhà trường, được thể hiện cụ thể thông qua chuẩn đầu ra; bản mô tả CTĐT có cấu trúc phân bổ hợp lý, có nội dung cập nhật những vấn đề mới, được công bố công khai; chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; đề cương chi tiết các học phần được rà soát, điều chỉnh định kỳ, được phổ biến đến người học; các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp, các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, hướng đến đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT; năng lực và kết quả thực thi nhiệm vụ của đội ngũ giảng viên và nhân viên hỗ trợ CTĐT được quản lý, đánh giá đúng quy định; chính sách và tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được công bố công khai; sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được giám sát chặt chẽ; hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp, nền tảng công nghệ thông tin hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để cải tiến chất lượng CTĐT được triển khai; cơ sở dữ liệu về người học được xây dựng.

Tuy nhiên, CTĐT vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

(i) Cần rà soát, điều chỉnh Mục tiêu giáo dục bảo đảm phù hợp với Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018, thể hiện rõ tính đặc thù/đặc trưng và thế mạnh của Trường; rà soát chuẩn đầu ra của CTĐT cần chú trọng hơn nữa việc tiếp cận theo hướng đánh giá năng lực đối với những môn học/học phần do các đơn vị thành viên khác của ĐHQG Hà Nội đảm nhận; cần tăng

cường khảo sát, đối sánh và sử dụng ý kiến của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra của CTĐT;

(ii) Cần hoàn thiện Bản mô tả CTĐT với đầy đủ thông tin, thể hiện rõ các nguồn lực để thực hiện CTĐT; cần định kỳ rà soát hệ thống đề cương chi tiết học phần, bổ sung thông tin về điều kiện hoàn thành môn học, cập nhật thông tin, kiến thức chuyên ngành, chú ý việc tiếp cận thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai Bản mô tả CTĐT và hệ thống đề cương chi tiết của các học phần tới các bên liên quan để dễ dàng nắm bắt, sử dụng;

(iii) Cần rà soát ma trận liên kết chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT, xác định rõ ràng hơn mức độ đóng góp của các học phần bảo đảm đạt được chuẩn đầu ra; nên đa dạng hóa các hình thức học tập tại Bảo tàng, Di tích lịch sử, nghiên cứu bổ sung vào chương trình dạy học nội dung/học phần thực tế hiện trường mang tính đặc thù của ngành Lịch sử; cần tăng cường khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan và sử dụng thông tin phản hồi hiệu quả hơn trong phát triển CTĐT;

(iv) Triết lý giáo dục cần được được chuyển tải phù hợp vào trong nội dung chương trình, các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá của CTĐT; cần chú trọng hơn nữa hình thức học tập trải nghiệm, hoạt động thực tế; các phương pháp dạy học cần tăng cường dạy cách học, tư duy phản biện, năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo của người học, hướng tới phát triển các kỹ năng, phẩm chất cần thiết đối với nghề nghiệp tương lai, rèn luyện cho người học kỹ năng học tập suốt đời; cần nghiên cứu ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý và thực hiện các hoạt động giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên;

(v) Cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn và tăng cường hỗ trợ đội ngũ giảng viên trong việc thiết kế và sử dụng các phương pháp, công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp; cần chú trọng phân tích kết quả thi để đánh giá độ tin cậy và tính giá trị làm cơ sở cải tiến; cần định kỳ phân tích kết quả học tập của người học để làm căn cứ nâng cao chất lượng công tác thi, kiểm tra, bảo đảm đánh giá được mức độ đạt được các chuẩn đầu ra; cần có lộ trình ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập của người học;

(vi) Cần rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý về công tác tổ chức và cán bộ; cần bảo đảm đề án vị trí việc làm của Khoa bám sát Thông tư 20/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chế độ làm việc của giảng viên; cần rà soát, điều chỉnh các

tiêu chí đánh giá năng lực hoạt động của đội ngũ giảng viên phù hợp với thang đo phù hợp hơn; cần định kỳ khảo sát, đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên để có kế hoạch bồi dưỡng phù hợp; cần định kỳ phân tích, đánh giá đối sánh các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng để liên tục nâng cao năng lực và hiệu quả công tác của đội ngũ giảng viên;

(vii) Cần rà soát đề án vị trí việc làm, phân tích hiệu quả của công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá yêu cầu về số lượng và chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT trong giai đoạn mới để xây dựng chiến lược, chính sách phát triển nhân sự phù hợp; cần có thêm những chính sách đặc thù nhằm thu hút, tuyển dụng được nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng chiến lược phát triển của Nhà trường; cần rà soát, điều chỉnh các tiêu chí đánh giá năng lực và kết quả thực thi nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên; cần tăng cường việc giám sát, đánh giá hiệu quả công tác hỗ trợ, chú ý đến sự hài lòng của các bên liên quan;

(viii) Cần chú trọng phân tích, đánh giá xu hướng chất lượng tuyển sinh hằng năm nhằm đánh giá hiệu quả về từng phương thức tuyển sinh để tiếp tục điều chỉnh phù hợp, chú ý đến các chính sách hỗ trợ cho sinh viên sư phạm; cần phân tích, đánh giá hiệu quả của công tác giám sát và hỗ trợ để kịp thời điều chỉnh, nâng cao công tác hỗ trợ người học; cần sử dụng hiệu quả phản hồi của các bên liên quan để cập nhật, đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy và hỗ trợ người học; cần tăng cường hơn nữa về chất lượng các hoạt động thực hành, thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm để giúp sinh viên nắm bắt được yêu cầu thực tiễn, định hướng và tiếp cận với nghề nghiệp tương lai;

(ix) Cần nghiên cứu cải tiến hệ thống phòng làm việc, bổ sung cho các phòng học cơ sở vật chất, trang thiết bị để hỗ trợ tốt hơn cho việc thực hiện CTĐT; cần chú trọng bổ sung, cập nhật những tài liệu học tập mới, chú ý những tài liệu mang tính định hướng nghiên cứu của Lịch sử trong khoa học giáo dục gắn với xu thế phát triển của xã hội trong cách mạng công nghiệp 4.0; cần nghiên cứu phát triển phần mềm quản lý dạy và học trực tuyến, phòng sản xuất học liệu phục vụ E-learning, đáp ứng yêu cầu giảng dạy trực tuyến; cần nghiên cứu xây dựng phòng thực tế hiện trường lịch sử ảo; cần xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư, cải tiến chất lượng môi trường cảnh quan, môi trường tâm lý xã hội;

(x) Cần rà soát, hoàn thiện hệ thống thu thập thông tin và cơ chế phản hồi: điều chỉnh các bộ câu hỏi khảo sát phù hợp với đối tượng lấy ý kiến, sử dụng phương pháp

phân tích số liệu phù hợp để nâng cao độ giá trị, độ tin cậy của thông tin phản hồi; cần quy định rõ trách nhiệm trả lời, đáp ứng các phản hồi rõ ràng cho các bộ phận trong Trường...; cần rà soát, điều chỉnh quy trình xây dựng và phát triển CTĐT khoa học hơn, huy động được sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các bên liên quan; cần tăng cường hợp tác khoa học với trường đại học trong và ngoài nước, tạo điều kiện gia tăng loại hình, số lượng và chất lượng nghiên cứu trong đội ngũ cán bộ giảng viên thực hiện CTĐT, chú trọng sử dụng, chuyển tải kết quả nghiên cứu khoa học thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động dạy-học;

(xi) Cần nghiên cứu, phân tích đầy đủ và đối sánh các số liệu về nguyên nhân sinh viên thôi học, bỏ học, tốt nghiệp không đúng hạn của CTĐT với các CTĐT trong Trường cũng như với các cơ sở giáo dục đại học khác; cần có chính sách khuyến khích gia tăng nghiên cứu khoa học của sinh viên; cần quan tâm hơn nữa đến việc khảo sát, đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan, đặc biệt là ý kiến của nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên, đối với chất lượng sinh viên tốt nghiệp, để có căn cứ đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp, khả thi.

\* \* \*

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 01/2024), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh.

-----